

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *386* /UBND-TH

*Lai Châu, ngày 12 tháng 4 năm 2012*

V/v xây dựng báo cáo tổng kết  
10 năm sau chia tách, thành lập  
tỉnh về phát triển KT-XH gắn  
với bảo đảm QP-AN

Kính gửi:

- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã.

Căn cứ Nghị quyết số 22/2003/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2003 của Quốc hội về việc chia tách và điều chỉnh địa giới hành chính một số tỉnh;

Thực hiện Chương trình công tác của UBND tỉnh năm 2013, UBND tỉnh xây dựng đề cương chi tiết báo cáo tổng kết 10 năm sau chia tách tỉnh về phát triển KT-XH gắn với bảo đảm QP-AN và định hướng phát triển KT-XH đến năm 2020 và phân công chuẩn bị, tiến độ thực hiện như sau:

1. Đề cương chi tiết: Ban hành kèm theo văn bản này.
2. Phân công chuẩn bị báo cáo:

- Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì tổng hợp chung báo cáo tổng kết 10 năm sau chia tách tỉnh về phát triển KT-XH gắn với bảo đảm QP-AN và định hướng phát triển KT-XH đến năm 2020.

- Thủ trưởng các sở, ban, ngành căn cứ chức năng, nhiệm vụ của ngành quản lý phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức xây dựng, tổng hợp báo cáo tổng kết 10 năm sau chia tách tỉnh và định hướng phát triển KT-XH đến năm 2020 trên cơ sở đề cương hướng dẫn và tình hình thực hiện theo lĩnh vực ngành, cơ quan mình phụ trách.

3. Tiến độ thực hiện

- Từ ngày 15/4/2013 - 30/4/2013: Các sở, ban, ngành xây dựng và hoàn thành các báo cáo gửi về Văn phòng UBND tỉnh và Sở Kế hoạch và Đầu tư để

tổng hợp (yêu cầu gửi kèm file vào hòm thư điện tử: [pthvpubnd-laichau@chinhphu.vn](mailto:pthvpubnd-laichau@chinhphu.vn); [so.kh&dt-laichau@chinhphu.vn](mailto:so.kh&dt-laichau@chinhphu.vn)).

- Từ ngày 01/5/2013 - 15/5/2013: Sở Kế hoạch và Đầu tư hoàn chỉnh dự thảo báo cáo gửi Văn phòng UBND tỉnh.

Căn cứ nội dung Công văn này, UBND tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: Lãnh đạo, Chuyên viên;
- Lưu: VT, TH.

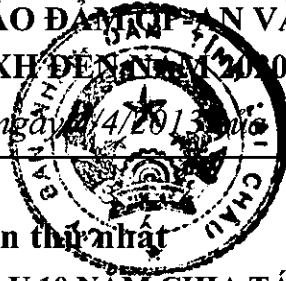
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Nguyễn Khắc Chử

**ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO TỔNG KẾT 10 NĂM SAU CHIA TÁCH TỈNH VỀ  
PHÁT TRIỂN KT-XH GẮN VỚI BẢO ĐẢM QP-AN VÀ ĐỊNH HƯỚNG  
PHÁT TRIỂN KT-XH ĐẾN NĂM 2020**

(Kèm theo Văn bản số: **386** /UBND-TH ngày 14/4/2013 của UBND tỉnh Lai Châu)



Phần thứ nhất

**NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC SAU 10 NĂM CHIA TÁCH TỈNH VỀ  
PHÁT TRIỂN KT-XH, GẮN VỚI BẢO ĐẢM QUỐC PHÒNG – AN NINH**

**I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH**

1. Nêu khái quát đặc điểm tình hình của tỉnh liên quan đến phát triển KT-XH, QP-AN tại thời điểm mới chia tách và hiện nay: diện tích, dân số, tôn giáo, đơn vị hành chính, vị trí của tỉnh, tình hình chính trị, kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh...

2. Những thuận lợi, khó khăn nảy sinh sau khi chia tách tỉnh (giai đoạn 2004-2013)

2.1. Những thuận lợi

2.2. Những khó khăn

*Yêu cầu:* Cần phải nêu bật được những thuận lợi, khó khăn, thách thức của đất nước, của tỉnh, địa phương, ngành có những tác động ảnh hưởng đến phát triển KT-XH, QP-AN của tỉnh sau chia tách.

**II. NHỮNG THÀNH TỰU ĐẠT ĐƯỢC SAU 10 NĂM CHIA TÁCH TỈNH VỀ  
PHÁT TRIỂN KT-XH, GẮN VỚI BẢO ĐẢM QP-AN**

*Yêu cầu:* Nêu những kết quả nổi bật về phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm quốc phòng – an ninh sau 10 năm chia tách tỉnh (giai đoạn 2004-2013), những tồn tại, yếu kém, nguyên nhân (mỗi lĩnh vực, ngành cần có những đánh giá khái quát, có số liệu dẫn chứng, so sánh với năm 2003) bao gồm:

**1. Về phát triển kinh tế**

- Tăng trưởng kinh tế : Đánh giá về Quy mô, chất lượng tăng trưởng.
- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế: Cơ cấu kinh tế các ngành N-L-N, CN-XN, DV.
- Thu nhập bình quân đầu người (theo giá hiện hành), so sánh với vùng miền núi phía bắc và cả nước.

Bao gồm:

*1.1. Về nông, lâm nghiệp và xây dựng nông thôn mới*

- Phát triển sản xuất nông, lâm, thủy sản: Đánh giá về tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu ngành Nông, lâm, thủy sản như:

- + Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất ngành nông, lâm, ngư nghiệp;
- + Tăng trưởng về quy mô, số lượng, tốc độ bình quân giai đoạn;

+ Ứng dụng công nghệ trong việc nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm cây trồng, vật nuôi;

+ Chuyển dịch cơ cấu cây trồng: Theo hướng tăng vụ, chuyển đổi giống theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng; phát triển các loại cây công nghiệp có lợi thế (cao su, chè, thảo quả)...

+ Chuyển dịch cơ cấu trong chăn nuôi: Chuyển đổi phương thức chăn nuôi gia súc, gia cầm theo hướng tập trung, quy mô hộ gia đình và chăn nuôi trang trại; tăng đàn, tăng chất lượng sản phẩm, phòng chống dịch bệnh.

+ Phát triển nuôi trồng thủy sản: Nuôi trồng và đánh bắt thủy sản, nuôi cá nước lạnh...

+ Phát triển ngành lâm nghiệp: Kết quả phát triển lâm nghiệp (công tác trồng, bảo vệ khoanh nuôi tái sinh rừng), tỷ lệ che phủ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng.

- Phát triển nông thôn, xây dựng nông thôn mới:

+ Công tác chỉ đạo điều hành, tổ chức thực hiện xây dựng quy hoạch, đề án NTM các xã, đánh giá tổng quát hiện trạng các xã theo các tiêu chí NTM, trong đó: phân loại các xã theo tiêu chí đã đạt được, mức độ, khó khăn khi xây dựng nông thôn mới; tiến độ xây dựng NTM tại các xã điểm. Công tác thông tin, tuyên truyền, đào tạo, tập huấn về xây dựng NTM.

+ Kết quả đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn, hỗ trợ sản xuất, bố trí, sắp xếp ổn định dân cư và thực hiện công tác di dân ra khỏi vùng có nguy cơ lũ quét, sạt lở đất, công tác định canh định cư, đưa dân ra vùng biên giới...

### *1.2. Phát triển công nghiệp – xây dựng*

- Tăng trưởng ngành Công nghiệp – xây dựng:

- Tình hình phát triển các ngành công nghiệp có lợi thế trên địa bàn:

- Tình hình quy hoạch và phát triển các khu, cụm công nghiệp:

### *1.3. Phát triển các ngành dịch vụ*

- Tăng trưởng ngành dịch vụ.

- Kết quả hoạt động dịch vụ thương mại, tài chính, ngân hàng, bưu chính, viễn thông, giao thông vận tải, du lịch

- Kết quả hoạt động dịch vụ xuất nhập khẩu, các mặt hàng xuất khẩu chủ lực địa phương.

### *1.4. Phát triển các thành phần kinh tế*

- Tình hình sắp xếp, đổi mới các doanh nghiệp nhà nước:

- Phát triển các thành phần kinh tế:

*1.5. Công tác tái định cư các dự án thủy điện lớn:* Kết quả thực hiện công tác tái định cư các dự án thủy điện Sơn La, Huổi Quảng, Bản Chát, Lai Châu:

### *1.6. Quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường*

- Công tác quản lý, khai thác khoáng sản;

- Công tác quản lý đất đai;
- Bảo vệ môi trường: Giải quyết các tình trạng ô nhiễm môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu...

## **2. Về đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng**

Tổng vốn huy động đầu tư kết cấu hạ tầng giai đoạn 2004-2013, trong đó tập trung đầu tư các lĩnh vực:

### *2.1. Phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế*

#### a. Đầu tư hệ thống các công trình giao thông:

- Giao thông đường bộ: số lượng, chất lượng, quy mô giao thông đường quốc lộ, đường tỉnh lộ, giao thông nông thôn; mức độ đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đồng thời phục vụ cho nhiệm vụ Quốc phòng – an ninh khi cần thiết.

- Giao thông đường thủy: nêu rõ hiện trạng, việc khai thác sử dụng...

#### b. Hệ thống thủy lợi: Số lượng, chất lượng các công trình, hồ chứa nước, tỷ lệ kiên cố hóa kênh mương, diện tích đã được tưới chủ động (trong đó tưới 02 vụ, 01 vụ)...

#### c. Hệ thống cấp nước sinh hoạt:

- Cấp nước sinh hoạt đô thị: số đô thị đã được đầu tư nhà máy cấp nước sinh hoạt; tỷ lệ dân số được sử dụng nước sạch.

- Cấp nước sinh hoạt nông thôn: số lượng, chất lượng công trình nước sinh hoạt; số bản được cung cấp nước sinh hoạt; tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng hợp vệ sinh.

#### d. Hệ thống cấp điện sinh hoạt, hệ thống truyền tải điện:

- Số xã được cung cấp điện lưới, trong đó số xã được cung cấp điện lưới quốc gia; số hộ được sử dụng điện sinh hoạt, trong đó số hộ được sử dụng điện lưới quốc gia; số xã, số hộ chưa được sử dụng điện sinh hoạt.

- Phát triển các công trình thủy điện và hệ thống truyền tải điện: công tác quy hoạch, phát triển hệ thống điện lưới sinh hoạt, truyền tải điện, các công trình thủy điện lớn, vừa và nhỏ đã được đầu tư xây dựng, trong đó số công trình đã được đưa vào sử dụng.

#### e. Phát triển kết cấu hạ tầng đô thị:

- Đánh giá công tác quy hoạch và thực hiện quy hoạch đô thị.

- Đánh giá việc đầu tư hạ tầng kỹ thuật như giao thông đô thị, hệ thống thoát nước, xử lý nước thải, rác thải; tỷ lệ phủ kín quy hoạch chi tiết tại các đô thị ..., cây xanh đô thị.

### *2.2. Phát triển kết cấu hạ tầng Văn hóa - xã hội*

#### a. Hệ thống hạ tầng Giáo dục và Đào tạo

- Đánh giá hiện trạng hệ thống trường, lớp, phòng học, nhà ở công vụ cho giáo viên; nhà ở nội trú, bán trú cho học sinh, sinh viên (nêu rõ: số lượng, chất lượng, tỷ lệ kiên cố, bán kiên cố, số phòng học tạm, học nhờ...).

- Hệ thống đầu tư trường đào tạo như trường cao đẳng, trung cấp, trung tâm dạy nghề, trung tâm Giáo dục thường xuyên; trung tâm học tập cộng đồng...

b. Mạng lưới bưu chính, viễn thông, truyền thanh, truyền hình

- Truyền thanh - truyền hình: hiện trạng về kết cấu hạ tầng, số lượng, chất lượng phát sóng...

- Bưu chính viễn thông: Hiện trạng hạ tầng bưu chính viễn thông, số lượng, chất lượng phục vụ; thống kê các xã, các vùng chưa được phủ sóng di động, các xã chưa có nhà bưu điện văn hóa xã, chưa có Internet...

c. Hệ thống hạ tầng Y tế

- Hiện trạng các bệnh viện tuyến tỉnh, huyện, phòng khám đa khoa khu vực, trạm y tế xã, các trạm y tế quân dân y (số lượng, chất lượng, trang thiết bị y tế).

- Thống kê các trạm y tế xã chưa được kiên cố hóa, còn nhà tạm, bán kiên cố, thiết bị còn thiếu, chưa đạt chuẩn quốc gia về y tế.

d. Hạ tầng văn hóa, thể thao và du lịch: Hiện trạng về số lượng, chất lượng các công trình như: bảo tàng, thư viện, nhà văn hóa, các công trình phục vụ thể dục, thể thao...

### *2.3. Phát triển kết cấu hạ tầng phục vụ Quốc phòng – an ninh*

Hiện trạng cơ sở hạ tầng phục vụ cho lĩnh vực QP-AN. Kết quả đầu tư cho nhiệm vụ quản lý biên giới, nhất là các công trình đường vành đai biên giới, đường tuần tra biên giới, đường ra biên giới, các khu vực phòng thủ, các đồn, trạm biên phòng, khu kinh tế Quốc phòng Phong thổ...

### **3. Về văn hóa – xã hội**

a. Đánh giá kết quả hoạt động các lĩnh vực giáo dục, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, nâng cao trình độ dân trí

- Số lượng, chất lượng cán bộ quản lý, giáo viên; tỷ lệ huy động trẻ ra lớp; chất lượng giáo dục, đào tạo; công tác phổ cập giáo dục; thực hiện các chế độ, chính sách đối với ngành giáo dục, đào tạo.

- Công tác đào tạo tại các trường (*Trường Cao đẳng cộng đồng, trường Trung cấp Y, trường trung cấp nghề...*) trên địa bàn tỉnh:

- Đánh giá chất lượng nguồn nhân lực trong tỉnh: Số lượng lao động toàn tỉnh, tỷ trọng lao động qua đào tạo trong tổng lao động đang làm việc trong nền kinh tế. Trong đó: Đánh giá theo ngành, lĩnh vực (nông, lâm nghiệp và thủy sản; công nghiệp và xây dựng; dịch vụ); theo khu vực (lao động nông thôn, lao động thành thị).

- Hiện trạng đội ngũ cán bộ công chức - viên chức tỉnh, huyện, xã, cán bộ thôn, bản (số lượng, trình độ học vấn, trình độ chuyên môn kỹ thuật, trình độ lý

luận chính trị). Kết quả công tác đào tạo cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2004-2013.

b. Phát triển các lĩnh vực y tế; văn hóa, thông tin, thể dục, thể thao.

- Các hoạt động văn hoá, thể thao: Kết quả thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”; bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa; phát triển các phong trào thể dục, thể thao; văn nghệ...

- Hoạt động thông tin, truyền thông, phát sóng, phát thanh, truyền hình của các cơ quan báo, đài tỉnh.

- Hoạt động chăm sóc, khám chữa bệnh cho nhân dân; thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình, bảo vệ và chăm sóc trẻ em; số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ y tế; các chính sách phát triển ngành y tế...

c. Công tác xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân

- Đánh giá việc thực hiện các chương trình, dự án về giảm nghèo, cải thiện điều kiện về cơ sở hạ tầng cho các vùng nghèo, điều kiện sản xuất và đời sống cho người nghèo; giảm tỷ lệ người nghèo, hộ nghèo; tính bền vững của giảm nghèo...

- Tạo việc làm cho người lao động: chuyển dịch cơ cấu lao động, thu hút lao động có chất lượng cao vào địa phương; cho vay để giải quyết việc làm, giải quyết việc làm, đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài...

d. Công tác dân tộc, tôn giáo

- Công tác dân tộc: Kết quả thực hiện các chính sách hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số, nâng cao đời sống cho đồng bào các dân tộc gắn với thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh tại các vùng theo quy hoạch; các chính sách đại đoàn kết dân tộc, tỷ lệ người dân tộc thiểu số giảm nghèo...

- Công tác tôn giáo: Tình hình tôn giáo và quản lý các hoạt động tôn giáo.

e. Phát triển khoa học và công nghệ

Hoạt động nghiên cứu, ứng dụng KH-CN vào đời sống, nhất là trong lĩnh vực nông, lâm, thủy sản góp phần tăng năng suất sản lượng và chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi...

#### **4. Về đảm bảo quốc phòng – an ninh; mở rộng quan hệ đối ngoại**

##### *4.1. Về đảm bảo quốc phòng – an ninh, trật tự xã hội*

- Về số lượng, chất lượng, sức chiến đấu của lực lượng vũ trang; công tác tuyển quân, huấn luyện, diễn tập khu vực phòng thủ, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh. Công tác vận động quần chúng xây dựng, củng cố thể trận an ninh nhân dân kết hợp với thể trận quốc phòng toàn dân. Việc thực hiện chế độ sẵn sàng chiến đấu, phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng bộ đội, công an, biên phòng trên địa bàn.

- Thực hiện công tác bảo vệ an ninh biên giới, phòng ngừa, đấu tranh với các loại tội phạm. Công tác bảo vệ an ninh nội bộ, an ninh kinh tế, việc tham gia phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai.

4.2. Công tác đối ngoại: Đánh giá về mối quan hệ giữa tỉnh Lai Châu với các tổ chức quốc tế, tỉnh Vân Nam - Trung Quốc và các tỉnh phía Bắc nước cộng hòa dân chủ nhân dân Lào; phân giới cắm mốc biên giới với Trung Quốc; công tác đối ngoại nhân dân...

### **5. Xây dựng, củng cố chính quyền các cấp**

- Kiện toàn bộ máy chính quyền các cấp; số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ các cấp, đặc biệt là cấp huyện, xã; tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, thực hiện chính sách cán bộ...

- Triển khai các bước cải cách hành chính; số lượng các sở, ban, ngành, huyện thị, xã, phường, thị trấn thực hiện cơ chế một cửa và cơ chế một cửa liên thông; áp dụng quản lý cơ quan hành chính nhà nước theo tiêu chuẩn ISO.

- Công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, thực hành tiết kiệm, phòng chống tham nhũng, lãng phí.

## **IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

### **1. Những mặt đạt được**

### **2. Những mặt hạn chế, yếu kém**

### **3. Nguyên nhân**

a. Nguyên nhân khách quan

b. Nguyên nhân chủ quan

## **V. MỘT SỐ BÀI HỌC KINH NGHIỆM**

## **Phần thứ hai**

### **ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI ĐẾN NĂM 2020**

## **I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH**

1. Dự báo tình hình liên quan đến nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020

### **2. Thuận lợi, khó khăn**

a. Thuận lợi

b. Khó khăn

## **II. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU CHỦ YẾU**

### **1. Mục tiêu**

Tiếp tục duy trì tốc độ và nâng cao chất lượng tăng trưởng kinh tế; cải thiện rõ rệt hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội; đẩy mạnh khai thác hợp lý và có hiệu quả các tiềm năng, thế mạnh về cửa khẩu, tài nguyên thiên nhiên để phát triển các



ngành kinh tế; tập trung giảm nghèo nhanh và bền vững; phát triển kinh tế gắn với đảm bảo quốc phòng - an ninh, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ. Phấn đấu đến năm 2020 đưa Lai Châu trở thành tỉnh có trình độ phát triển trung bình trong khu vực miền núi phía Bắc.

## **2. Chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2020**

### **a. Về kinh tế**

(1). Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân .....%/năm.

Cơ cấu nền kinh tế: Nông, lâm nghiệp, thủy sản - Công nghiệp, xây dựng - Dịch vụ là: .....- .....-.....(%).

(2). GDP bình quân đầu người (giá hiện hành):..... triệu đồng.

(3). Tổng sản lượng lương thực có hạt: ..... nghìn tấn.

(4). Cây công nghiệp: Cao su ..... ha, trong đó trồng mới .....ha; Duy trì và ổn định vùng nguyên liệu chè .....ha, trong đó chè trồng mới trên ..... ha.

(5). Tốc độ tăng trưởng đàn gia súc: .....%/năm.

(6). Thu ngân sách trên địa bàn: ..... tỷ đồng.

(7). Giá trị xuất khẩu hàng địa phương: ..... triệu USD.

### **b. Về mục tiêu xã hội.**

(8). Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mẫu giáo 5 tuổi; giữ vững và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

(9). Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên .....%/năm; giảm tỷ lệ sinh .....%/năm; .....% xã/phường/thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế; .....bác sỹ/1 vạn dân; ..... giường bệnh/1 vạn dân; trên .....% trạm y tế xã có bác sỹ.

(10). Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân .....%/năm; giải quyết việc làm ..... người/năm; tỷ lệ lao động qua đào tạo, tập huấn trên .....%.

(11). .....% xã, .....% hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia.

(12). ....% xã có đường giao thông đến trung tâm, trong đó .....% xã có đường ô tô đi lại được các mùa; .....% bản có đường ô tô, xe máy đi lại thuận lợi.

(13). .....% hộ gia đình; .....% thôn, bản, khu phố; ....% cơ quan, đơn vị, trường học đạt tiêu chuẩn văn hóa.

(14). Trên .....% số xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới.

### **c. Về môi trường**

(15). Tỷ lệ che phủ rừng trên .....%; trồng mới ..... ha rừng.

(16). .....% dân số đô thị được sử dụng nước sạch, .....% dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh.

## **III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI ĐẾN NĂM 2020**

Yêu cầu: Cần đưa ra những định hướng lớn mang tính trọng tâm trên các ngành, lĩnh vực sau:

### **1. Về phát triển kinh tế**

- a. Về phát triển nông, lâm, thủy sản:
- b. Về công nghiệp – xây dựng
- c. Thương mại, dịch vụ
- d. Phát triển các thành phần kinh tế
- e. TĐC các thủy điện lớn
- f. Tài nguyên, môi trường

### **2. Về đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng**

- a. Kết cấu hạ tầng kinh tế
  - Giao thông
  - Thủy lợi, nước sinh hoạt
  - Hệ thống cung cấp điện
  - Hạ tầng đô thị
- b. Kết cấu hạ tầng Văn hóa – xã hội
  - Phát triển hạ tầng giáo dục – đào tạo
  - Phát triển hạ tầng Y tế
  - Phát triển hạ tầng văn hóa – thể dục, thể thao

### **3. Về Văn hóa – xã hội**

- a. Bảo đảm an sinh xã hội, xóa đói, giảm nghèo, lao động, giải quyết việc làm
- b. Phát triển giáo dục, đào tạo, nâng cao trình độ dân trí và chất lượng nguồn nhân lực
- c. Y tế, chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cộng đồng
- d. Văn hóa, thể dục - thể thao, thông tin, truyền thông, phát thanh truyền hình
- e. Phát triển khoa học công nghệ

### **4. Về đảm bảo quốc phòng – an ninh, trật tự xã hội, công tác đối ngoại**

- a. Về lĩnh vực Quốc phòng
- b. Về an ninh trật tự
- c. Công tác đối ngoại

### **5. Cũng cố chính quyền các cấp**

- a. Công tác xây dựng chính quyền các cấp
- b. Cải cách hành chính:
  - c. Công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, thực hành tiết kiệm, phòng chống tham nhũng, lãng phí:

**BIỂU 1: MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Văn bản số: **386** /UBND-TH ngày **12** tháng **4** năm 2013 của UBND tỉnh Lai Châu)

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH Năm 2003	TH Năm 2004	Ước TH đến năm 2013(*)	Định hướng đến năm 2020(**)	So sánh Ước TH đến năm 2013/TH Năm 2003	Ghi chú
A	B	C		1	3	4		6
<b>I</b>	<b>ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH</b>							
	- Tổng số huyện, thị xã	Huyện, thị						
	Trong đó: Số huyện biên giới	Huyện						
	- Tổng số xã, phường, thị trấn	phường, thị						
	Trong đó: + Số xã đặc biệt khó khăn	Xã						
	+ Số xã biên giới	Xã						
<b>II</b>	<b>CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ</b>							
<b>1</b>	<b>Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP)</b>	%						
	<i>Trong đó:</i>							
	+ Nông, lâm nghiệp, thủy sản	%						
	+ Công nghiệp và xây dựng	%						
	+ Dịch vụ	%						
<b>2</b>	<b>Cơ cấu Tổng giá trị gia tăng theo ngành kinh tế (giá hiện hành)</b>							
	- Nông, lâm nghiệp, thủy sản	%						
	- Công nghiệp và xây dựng	%						
	- Dịch vụ	%						
<b>3</b>	<b>Thu nhập bình quân đầu người</b>	Triệu đồng						
<b>4</b>	<b>Tổng sản lượng lương thực có hạt</b>	Tấn						
<b>5</b>	<b>Diện tích cây công nghiệp</b>	Ha						
	- Cây cao su	Ha						
	- Cây chè	Ha						
	- Cây thảo quả	Ha						
<b>6</b>	<b>Tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ xã hội</b>	Tr.đồng						
<b>7</b>	<b>Giá trị xuất khẩu hàng địa phương</b>	Triệu USD						
<b>8</b>	<b>Thu NSNN trên địa bàn</b>	Tỷ đồng						
<b>9</b>	<b>Tốc độ tăng trưởng dân gia súc</b>	%						
<b>10</b>	<b>Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn</b>	Tỷ đồng						
	- Trong đó: Ngân sách nhà nước	Tỷ đồng						
<b>III</b>	<b>CÁC CHỈ TIÊU VỀ XÃ HỘI</b>							
<b>1</b>	<b>Dân số</b>							
	- Dân số trung bình	Người						
	- Trong đó: Dân tộc thiểu số	Người						
	- Tốc độ tăng dân số tự nhiên	%o						
	- Tỷ lệ giảm sinh	%o						
<b>2</b>	<b>Y tế</b>							

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH Năm 2003	TH Năm 2004	Ước TH đến năm 2013(*)	Định hướng đến năm 2020(**)	So sánh Ước TH đến năm 2013/TH Năm 2003	Ghi chú
A	B	C		1	3	4		6
	- Số xã, phường thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã	Xã						
	- Số bác sỹ/ 1 vạn dân	Bác sỹ						
	- Số trạm y tế xã, phường, thị trấn có bác sỹ	Trạm						
<b>3</b>	<b>Giáo dục</b>							
	- Duy trì phổ cập giáo dục trung học cơ sở	Xã						
	- Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi	Xã						
<b>4</b>	<b>Hạ tầng điện lưới</b>							
	- Số xã có điện lưới Quốc gia	Xã						
	- Số hộ được sử dụng điện lưới quốc gia	Hộ						
	- Tỷ lệ số hộ được sử dụng điện lưới QG	%						
<b>5</b>	<b>Giao thông</b>							
	- Số xã có đường ô tô đến trung tâm xã	Xã						
	+ Tỷ lệ xã có đường ô tô đến trung tâm xã	%						
	- Số xã có đường ô tô đi được quanh năm	Xã						
	+ Tỷ lệ xã có đường ô tô đi được quanh năm	%						
	- Tỷ lệ bản có đường xe máy đi lại thuận lợi	%						
<b>6</b>	<b>Giảm nghèo - Đào tạo - Việc làm</b>							
	- Tỷ lệ hộ nghèo	%						
	<i>Trong đó: Tỷ lệ hộ nghèo là người dân tộc thiểu số</i>	%						
	- Tỷ lệ lao động được đào tạo so với tổng số lao động	%						
	- Số lao động được giải quyết việc làm mới trong năm	Người						
<b>7</b>	<b>Văn hóa</b>							
	- Tỷ lệ gia đình đạt tiêu chuẩn văn hóa	%						
	- Tỷ lệ số thôn, bản, khu phố đạt tiêu chuẩn văn hóa	%						
	- Tỷ lệ cơ quan, đơn vị, trường học đạt tiêu chuẩn văn hóa	%						
<b>8</b>	<b>Xây dựng nông thôn mới</b>							
	Số xã đạt tiêu chí NTM	Xã						
<b>IV</b>	<b>CÁC CHỈ TIÊU VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ KHU CÔNG NGHIỆP, KHU KINH TẾ</b>							
<b>1</b>	<b>Tỷ lệ che phủ rừng</b>	%						

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH Năm 2003	TH Năm 2004	Ước TH đến năm 2013(*)	Định hướng đến năm 2020(**)	So sánh Ước TH đến năm 2013/TH Năm 2003	Ghi chú
A	B	C		1	3	4		6
	<i>Trong đó: Trồng mới</i>	<i>Ha</i>						
2	Tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được thu gom	%						
3	Tỷ lệ chất thải rắn được xử lý	%						
4	Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý	%						
5	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch	%						
6	Tỷ lệ dân số nông thôn được cấp nước hợp vệ sinh	%						

Ghi chú (\*): Tùy theo tính chất, nội dung của từng chỉ tiêu lấy theo số liệu trung bình, lũy kế hoặc năm cuối của giai đoạn.

(\*\*): Tùy theo tính chất, nội dung của từng chỉ tiêu lấy theo số liệu đến năm 2020 hoặc trung bình giai đoạn.



**BIỂU 3: NĂNG LỰC TĂNG THÊM THỜI KỲ 2004 - 2013**

*(Kèm theo Văn bản số: 386 /UBND-TH ngày 12 tháng 4 năm 2013 của UBND tỉnh Lai Châu)*

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Hiện trạng đến hết năm 2003	Hiện trạng dự kiến đến hết năm 2013	Năng lực tăng thêm	Ghi chú
A	B	1	2	3	4=3-2	5
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực kinh tế</b>					
<b>1</b>	<b>Công nghiệp</b>					
	- Số cơ sở khai thác khoáng sản	cơ sở				
	+ Công suất khai thác	Tr. tấn/năm				
	- Nhà máy thủy điện, nhiệt điện	nhà máy				
	+ Công suất phát điện	KW.h				
	- Nhà máy sản xuất gạch	nhà máy				
	+ Công suất	Tr. viên/năm				
<b>2</b>	<b>Nông, lâm, ngư nghiệp, cơ sở hạ tầng nông thôn</b>					
<b>2.1</b>	<b>Nông nghiệp</b>					
<b>a</b>	<b>Tổng số công trình thủy lợi</b>	công trình				
	Năng lực tưới	ha				
	Trong đó:					
	- Số km thủy lợi chưa được kiên cố	km				
	+ Khả năng tưới	ha				
	- Các công trình được kiên cố	km				
	+ Khả năng tưới	ha				
<b>2.2</b>	<b>Nước sinh hoạt nông thôn</b>					
	- Tổng số công trình nước sinh hoạt	công trình				
	- Số người được hưởng lợi	Người				
<b>2.3</b>	<b>Số Km đường điện nông thôn</b>	km				
	Số hộ được sử dụng điện	Hộ				
<b>3</b>	<b>Giao thông vận tải</b>					
	- Số km đường quốc lộ	km				
	- Số km đường tỉnh lộ	km				
	- Số km đường nội thị	km				
	- Số km đường ô tô	km				
	Trong đó:					
	+ Số km đi được các mùa trong năm	km				
	+ Số km đi được một mùa trong năm	km				
	- Số km đường dân sinh	km				
	- Số xã có đường ô tô đến trung tâm xã	xã				
	- Số bản có đường dân sinh	bản				
<b>4</b>	<b>Thương mại, Du lịch</b>					
<b>a</b>	<b>Công trình chợ, trung tâm thương mại</b>	công trình				
<b>b</b>	<b>Khách sạn</b>	công trình				
	Trong đó: Khách sạn từ 3 sao trở lên	công trình				

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Hiện trạng đến hết năm 2003	Hiện trạng dự kiến đến hết năm 2013	Năng lực tăng thêm	Ghi chú <input type="checkbox"/>
A	B	1	2	3	4=3-2	5
c	Nhà hàng	công trình				
d	Hệ thống cửa hàng bán lẻ	công trình				
e	Điểm du lịch	điểm				
<b>5</b>	<b>Kết cấu hạ tầng đô thị</b>					
a	Diện tích đô thị	ha				
b	Nước sinh hoạt đô thị					
	- Tổng số công trình nước sinh hoạt đô thị	công trình				
	- Số người được hưởng lợi	Người				
c	Tổng số km đường giao thông đô thị	km				
d	Số công trình xử lý rác thải	công trình				
e	Nghĩa trang	Nghĩa trang				
f	Số hộ được cấp đất	hộ				
<b>6</b>	<b>Cơ sở hạ tầng kinh tế cửa khẩu</b>	ha				
	- Số km đường giao thông nội thị	km				
	- Số km đường điện	km				
	- Công trình chợ	công trình				
	- Số người được cấp nước sạch	Người				
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực văn hóa, xã hội</b>					
<b>1</b>	<b>Giáo dục</b>					
	- Tổng số trường	Trường				
	- Tổng số học sinh	học sinh				
	- Tổng số phòng học	Phòng				
	<i>Trong đó: Tỷ lệ kiên cố, bán kiên cố</i>	%				
<b>2</b>	<b>Đào tạo</b>					
	- Hệ thống cơ sở dạy nghề	Trường, trung tâm				
	+ Quy mô học sinh	học sinh				
	- Trường cao đẳng cộng đồng	Trường				
	+ Quy mô học sinh	học sinh				
	- Hệ thống cơ sở đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị	Trường, trung tâm				
	+ Quy mô học sinh	học sinh				
	- Trung tâm giáo dục thường xuyên	Trường				
	+ Quy mô học sinh	học sinh				
	- Hệ thống giáo dục Quốc phòng	Trường, Trung tâm				
	+ Quy mô học sinh	học sinh				
<b>3</b>	<b>Y tế</b>					
	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện				
	+ Quy mô giường bệnh	Giường				
	Bệnh viện chuyên khoa tuyến tỉnh	Bệnh viện				
	+ Quy mô giường bệnh	Giường				



TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Hiện trạng đến hết năm 2003	Hiện trạng dự kiến đến hết năm 2013	Năng lực tăng thêm	Ghi chú □
A	B	1	2	3	4=3-2	5
	Bệnh viện tuyến huyện	Bệnh viện				
	+ Quy mô giường bệnh	Giường				
	Phòng khám đa khoa khu vực	Phòng				
	+ Quy mô giường bệnh	Giường				
	Trạm y tế xã	Trạm				
	Trong đó: Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia	Trạm				
	Trạm xá quân dân y kết hợp	Trạm				
<b>4</b>	<b>Văn hoá thông tin</b>					
	- Nhà văn hóa cấp tỉnh, huyện	Nhà				
	- Nhà văn hóa xã	Nhà				
	- Thư viện tỉnh, huyện	Nhà				
	- Số trạm tiếp sóng truyền hình	Trạm				
	+ Trong đó: Trạm VTRO	Trạm				
	- Số trạm phát thanh	Trạm				
	- Số trạm BTS (trạm phủ sóng thông tin di động)	Trạm				
<b>5</b>	<b>Thể dục thể thao</b>					
	Số sân vận động huyện, thị	sân				
	Diện tích đất thể thao cấp xã phường	m <sup>2</sup>				
<b>III</b>	<b>QUỐC PHÒNG - AN NINH</b>					
1	Số km đường vành đai biên giới	Km				
2	Số km đường tuần tra biên giới	Km				
3	Số km đường ra biên giới	Km				
4	Số đồn biên phòng	Đồn				
5	Số trạm biên phòng	Trạm				
6	Số khu kinh tế quốc phòng	Khu				